

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2023/DS-PT
Ngày 22-3-2023
“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài
sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Tuyền
Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Những
Bà Trịnh Thị Phúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Không Văn Đa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2023/TLPT-DS ngày 09 tháng 01 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 108/2022/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 29/2023/QĐ-PT ngày 02 tháng 02 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Bạch T; sinh năm: 1969; Cư trú: 36A/4, đường H, Phường 1, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1969; cư trú: Ấp L, xã M, huyện C2, tỉnh Long An. (Theo văn bản ủy quyền ngày 21 tháng 7 năm 2022).

- Bị đơn:

1. Ông Phạm Văn S; sinh năm: 1980; Cư trú: Ấp L1, xã P, huyện C2, tỉnh Long An.

2. Bà Trương Thị Kim C; sinh năm: 1984; Cư trú: Ấp L1, xã P, huyện C2, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trương Thị Kim L, sinh năm: 1967; Cư trú: Ấp L1, xã M, huyện C2, tỉnh Long An.

2. Bà Trương Thị Kim C1, sinh năm: 1978; Cư trú: Ấp L1, xã P, huyện C2, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L, bà C1: Bà Nguyễn Thụy Thùy T1, sinh năm: 1997; Địa chỉ liên lạc: Số 262/2D đường Huỳnh Văn Bánh, Phường 11, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh. (Theo văn bản ủy quyền ngày 08 tháng 3 năm 2023).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà L, bà C1: Nguyễn Thị T2 – Luật sư thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà C, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà L và bà C1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 08 năm 2022 của nguyên đơn cùng những lời trình bày như sau:

Ngày 27 tháng 12 năm 2021 bà có cho vợ chồng ông S và bà C vay 1.300.000.000 đồng. Mục đích vay là để cầm cố thế chấp quyền sử dụng đất. Trong giấy nợ thời hạn vay vài tháng, nhưng theo bà T, hai bên thỏa thuận miệng là 03 tháng, lãi suất là 3%/tháng. Ông S và bà C chưa trả lãi và trả gốc cho bà T.

Đến ngày 22 tháng 4 năm 2022, cho vợ chồng ông S và bà T vay tiếp 500.000.000 đồng. Trong giấy nợ không ghi nhận thời hạn vay, lãi suất vay nhưng theo bà T thì lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng, thời hạn vay là 01 (một) tháng.

Ông S là người trực tiếp nhận tiền. Đến nay ông S và bà C chưa trả tiền lãi và gốc cho bà T.

Khi vay tiền hai bên có lập giấy nhận nợ do ông S ký tên và lấn tay, riêng chữ ký và dấu lấn tay của bà C thì bà T không xác định vì ông S mang về cho bà C ký sau.

Nay bà T yêu cầu ông S và bà C liên đới trả tiền nợ gốc là 1.300.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 28 tháng 6 năm 2022, bao gồm tiền lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng là 62.400.000 đồng; tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả là 93.600.000 đồng; tiền lãi trên nợ lãi chậm trả là 1.497.600 đồng; tiền gốc là 500.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 28 tháng 6 năm 2022, bao gồm tiền lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng là 8.000.000 đồng; tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả là 24.000.000 đồng; tiền lãi trên nợ lãi chậm trả là 128.000 đồng.

Tổng cộng yêu cầu ông S và bà C liên đới trả số tiền là 1.989.625.600 đồng.

Bà T yêu cầu tiếp tục tính lãi trên nợ gốc chậm trả và lãi trên nợ lãi chậm trả đối với hai khoản vay trên cho đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm.

Bà T vẫn yêu cầu duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 17/2022/BPKCTT ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc để đảm bảo thi hành án.

Bị đơn ông Phạm Văn S vắng mặt nên không có lời trình bày.

Bị đơn bà Trương Thị Kim C có lời trình bày như sau: Bà C và ông S là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An. Bà C có nghe ông S nói là có vay của bà T cách nay 04-05 năm. Cụ thể đối với khoản vay ngày 27 tháng 12 năm 2021 là 1.300.000.000 đồng, ông S xác định là có, gồm nhiều khoản nợ cộng lại; đối với khoản vay ngày 22 tháng 4 năm 2022 thì ông S xác định có nợ bà T là 500.000.000 đồng, cũng gồm nhiều khoản nợ cộng lại. Việc cho vay có thỏa thuận lãi suất nhưng bà C không biết lãi suất và thời hạn vay là bao nhiêu, sau khi vay ông S có trả tiền lãi nhưng không biết trả cụ thể là bao nhiêu, mục đích vay tiền là để vợ chồng bà C chăn nuôi, trồng trọt.

Bà C xác định hai chữ ký và dấu lặn tay Kim C trong hai giấy nhận nợ mà bà T cung cấp không phải chữ ký và lặn tay của bà. Bà C xác định bà không nhận tiền trực tiếp từ bà T.

Qua yêu cầu khởi kiện, bà C đồng ý trả tiền gốc là 1.800.000.000 đồng nhưng xin không trả lãi do hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Ông S, bà C là chủ sử dụng thửa đất 1584, tờ bản đồ số 2, loại đất lúa và thửa đất 239 (pcl), tờ bản đồ số 03, loại đất ONT, đất tại xã Phước Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An. Bà C, bà L và bà C1 là chị em ruột, bà C xác định thửa đất 1584 vợ chồng bà đã chuyển nhượng cho bà L, dưới hình thức hợp đồng ủy quyền, hiện thủ tục S tên đã xong, nhưng do bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nên bà L không đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà L đã đưa tiền chuyển nhượng cho vợ chồng bà C, đến khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sẽ thanh toán số tiền còn nợ là 200.000.000 đồng. Bà L đã quản lý đất từ ngày 05 tháng 5 năm 2022. Riêng thửa 239 (pcl), loại đất thổ, vợ chồng bà C đã chuyển nhượng cho bà C1, với giá tiền là 50.000.000 đồng. Bà C1 đã trả tiền đủ, cất nhà ổn định trên đất khoảng 09 năm. Lý do chưa S tên được cho bà C1 là do Nhà nước làm thủ tục đo đạc lại các thửa đất trên địa bàn xã Phước Hậu. Vì vậy, đề nghị Tòa án hủy bỏ quyết định áp dụng khẩn cấp tạm thời liên quan đến thửa 1584 và thửa 239 để bà làm thủ tục S tên cho bà L, bà C1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trương Thị Kim L do ông Nguyễn Hồng P đại diện theo ủy quyền trình bày: Ông S và bà C đã ủy quyền cho bà L quản lý, sử dụng, cho thuê, chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp và các nội

dung khác theo Điều 1 Phạm vi ủy quyền của Hợp đồng ủy quyền ngày 05 tháng 5 năm 2022 được Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Bích Thủy công chứng đối với thửa đất 1584, tờ bản đồ số 2, loại đất lúa, đất tại xã Phước Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An nhưng bản chất bà L đã nhận chuyển nhượng thửa đất 1584 từ vợ chồng ông S, bà C. Bà L đã giao tiền cho vợ chồng ông S, đến khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sẽ thanh toán số tiền còn lại là 200.000.000 đồng. Bà L đã quản lý đất từ ngày 05 tháng 5 năm 2022 đến nay. Do bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nên bà L không đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022 Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với thửa đất 1584 đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà L nên đề nghị Tòa án hủy bỏ quyết định này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trương Thị Kim C1 trình bày: Ông S và bà C chuyển nhượng cho bà C1 đối với thửa đất 239 (pcl), tờ bản đồ số 3, diện tích chuyển nhượng là 100m², loại đất thổ, đất tại xã Phước Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Bà C1 đã giao tiền nhận chuyển nhượng cho vợ chồng ông S, bà C là 50.000.000 đồng vào ngày 02 tháng 11 năm 2015. Thời điểm nhận chuyển nhượng, bà C1 chưa có tiền làm thủ tục S tên và cũng là chị em trong gia đình nên bà C1 chưa S tên, bà C1 đã cất nhà cấp 4 vào năm 2016. Hiện bà C1 đang quản lý, sử dụng phần đất nêu trên, đây là tài sản riêng của bà C1. Lý do chưa thực hiện thủ tục S tên, do vợ chồng ông S thường xuyên vay cầm cố giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người khác.

Hiện nay thửa đất 239 (pcl) là đối tượng bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định số 17 ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, ảnh hưởng đến quyền lợi của bà C1 nên đề nghị Tòa án hủy bỏ quyết định này.

Tại bản án Dân sự sơ thẩm số 108/2022/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An đã căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 288, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 188 Luật Đất đai năm 2013; Điều 5, Điều 6, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về việc xử lý thỏa thuận về lãi, lãi suất; Áp dụng Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐTP ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về các biện pháp khẩn cấp tạm thời; Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông S và bà C.

Ông S và bà C có trách nhiệm trả cho bà T số tiền nợ gốc là 1.800.000.000 đồng và tiền nợ lãi là 181.668.148 đồng. Tổng cộng là 1.981.668.148 đồng (một tỷ chín trăm tám mươi một triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn một trăm bốn mươi tám đồng).

Kể từ ngày có đơn thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 17 ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông S và bà C phải chịu 71.450.044 đồng.

Bà T phải chịu án phí là 397.873 đồng. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí, bà T đã nộp 35.844.375 đồng theo biên lai thu số 0001017 ngày 23 tháng 9 năm 2022 tại C cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, chuyên S án phí. Hoàn trả cho bà T tiền tạm ứng còn thừa là 35.446.502 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền và nghĩa vụ của các đương sự ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 05 tháng 12 năm 2022, bà L và bà C1 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Ngày 06 tháng 12 năm 2022 bà C kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét cho bà trả dần và hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo

Nguyên đơn do ông Đấu là người đại diện hợp pháp trình bày: Không đồng ý với yêu cầu xin trả dần mỗi tháng từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng và hủy Quyết định số 17/2022/QĐ0-ADBPKCTT ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc. Vì tài sản áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là thửa đất 1584 và 239 vẫn thuộc quyền sử dụng của bà C và ông S nên vẫn phải áp dụng để đảm bảo thi hành án.

Bị đơn ông S vắng mặt, bà C có mặt có lời trình bày: Hiện nay bà làm công nhân, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bà xin trả dần hàng tháng từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Đồng thời, yêu cầu hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời vì các thửa đất 1584 và 239, bà và ông S đã

chuyển nhượng cho bà L và bà C1, đã nhận tiền bàn giao đất và đã xây nhà trên đất sinh sống từ lâu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà C1, bà L do bà T1 là người đại diện hợp pháp có lời trình bày: Yêu cầu hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời vì bà L đã nhận chuyển nhượng thửa đất 1584 từ năm 2022 hình thức ký hợp đồng ủy quyền quản lý, sử dụng và định đoạt, các bên đã bàn giao đất sử dụng, bà L còn nợ 200.000.000 đồng sẽ trả cho bà C và ông S khi nào đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; riêng thửa đất 239 bà C1 nhận chuyển nhượng từ năm 2015 hai bên viết giấy tay và đã trả tiền nhận đất, đến năm 2016 bà C1 xây nhà kiên cố sinh sống trên đất.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà L và bà C1 có lời trình bày: Năm 2015 bà C1 đã nhận chuyển nhượng của bà C và ông S thửa đất 239, bà C1 đã trả tiền đầy đủ và nhận đất, đến năm 2016 xây nhà kiên cố trên đất. Đồi thửa đất 1584 bà L nhận chuyển nhượng từ năm 2022 dưới hình thức ký hợp đồng ủy quyền giữa các bên về việc định đoạt thửa đất 1584, bà L đã trả 2/3 tiền và nhận đất sử dụng, còn lại 200.000.000 đồng sẽ trả cho bà C và ông S khi nào đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà C và ông S vay tiền của bà T không có thỏa thuận dung quyền sử dụng đất để đảm bảo. Nên việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà L và bà C1. Hiện nay, bà L và bà C1 đang tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng các thửa đất trên tại Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc.

Các đương sự không có thỏa thuận gì khác.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn bà C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà C1, bà L kháng cáo đúng quy định tại các Điều 273, Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về yêu cầu kháng cáo: Ngày 05 tháng 5 năm 2022 bà C và ông S lập hợp đồng ủy quyền cho bà L được toàn quyền quản lý, sử dụng, cho thuê, tặng cho, thế chấp đối với thửa đất 1584, hợp đồng có chứng thực. Bà L đã giao tiền và sẽ thanh toán số tiền còn lại 200.000.000 đồng khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà L đã nhận đất từ ngày ký hợp đồng. Ngày 02 tháng 11 năm 2015 bà C và ông S đã viết giấy tay chuyển nhượng thửa đất 239 cho bà C1, đã giao đất, nhận tiền đầy đủ, bà C đã xây nhà trên đất từ năm 2016 sinh sống đến nay.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022 Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc ban hành Quyết định số 17/2022/QĐ – ADBPKCTT phong tỏa tài sản thửa đất 1548 và 239 để đảm bảo thi hành án cho bà T.

Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 188 Luật Đất đai năm 2013: “Việc chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, thế chấp quyền sử dụng đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất phải đăng ký tại cơ quan đăng ký đất đai và có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký vào sổ địa chính”. Vì vậy, trường hợp nguyên đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ là thửa đất thuộc quyền sử dụng của bà C và ông S, bà L, bà C và bà C1 cho rằng bà C đã chuyển nhượng thửa đất 239 (pcl) và 1584 cho bà C1, bà L, nhưng bà C1 và bà L chưa đăng ký vào sổ địa chính thì thửa đất đó vẫn thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông S và bà C nên Tòa án được áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, kháng cáo của bà L và bà C1, bà C hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với kháng cáo xin trả dần của bà C, bà T không đồng ý, pháp luật không quy định việc trả dần nên không có căn cứ để chấp nhận.

Bản án sơ thẩm không nhận định và tuyên bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà T đối với số tiền lãi 7.957.452 đồng là thiếu sót, cần phải sửa một phần bản án về cách tuyên.

Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà C, bà C1 và bà L. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa cách tuyên Bản án sơ thẩm số 108/2022/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn bà C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà C1, bà L kháng cáo hợp lệ nên vụ án được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Kháng cáo của bị đơn bà C, người liên quan bà C1, bà L một phần Bản án dân sự sơ thẩm. Căn cứ phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nội dung vụ án có liên quan đến kháng cáo.

[3] Xét kháng cáo thấy rằng:

[3.1] Bà C thống nhất vợ chồng bà có vay của bà T và đồng ý trả số tiền gốc là 1.800.000.000 đồng. Đồng thời, cấp sơ thẩm buộc trả lãi suất theo quy định. Bà C kháng cáo xin trả dần nhưng bà T không đồng ý, pháp luật không quy định việc trả dần nên kháng cáo đối với yêu cầu xin trả dần của bà C không có căn cứ chấp nhận.

[3.2] Đối với kháng cáo của bà C, bà L, bà C1 yêu cầu hủy Quyết định số 17/2022/QĐ-ADBPKCTT ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Xét thấy quyền sử dụng hai thửa đất 239 (pcl) và 1584 vẫn thuộc quyền sử dụng của ông S, bà C. Theo quy định tại khoản 3 Điều 188 Luật Đất đai năm 2013: “Việc chuyển

đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, thế chấp quyền sử dụng đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất phải đăng ký tại cơ quan đăng ký đất đai và có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký vào sổ địa chính”. Vì vậy, trường hợp bà T yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ là thửa đất vẫn thuộc quyền sử dụng của bà C và ông S; bà L, bà C, bà C1 cho rằng bà C đã chuyển nhượng thửa đất 239 (pcl) và 1584 cho bà C1, bà L, nhưng bà C1, bà L chưa đăng ký vào sổ địa chính nên Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ là có căn cứ theo hướng dẫn của Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐTP ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về các biện pháp khẩn cấp tạm thời. Mặt khác, quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, đương sự được quyền khiếu nại trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được quyết định nhưng không ai khiếu nại. Căn cứ theo Điều 139 Bộ luật tố tụng dân sự thì quyết định này có hiệu lực thi hành ngay. Vì vậy, kháng cáo yêu cầu hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không có căn cứ để chấp nhận.

[3.3] Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà C, ông S và bà L, bà C1 các bên có quyền khởi kiện tranh chấp bằng một vụ kiện khác theo quy định. Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ tranh chấp này vì ở cấp sơ thẩm các bên không yêu cầu.

[4] Tuy nhiên, án sơ thẩm không nhận định và tuyên bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà T về tiền lãi 7.957.452 đồng là chưa đầy đủ, cần sửa cách tuyên án.

[5] Từ nhận định mục [3], kháng cáo của bà C, bà C1, bà L, không có căn cứ chấp nhận. Sửa cách tuyên Bản án dân sự sơ thẩm số 108/2022/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An. Lời đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An có căn cứ được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà C, bà C1, bà L mỗi người phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự, khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trương Thị Kim C, bà Trương Thị Kim C1 và bà Trương Thị Kim L.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 108/2022/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 288, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 188 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 5, Điều 6, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về việc xử lý thỏa thuận về lãi, lãi suất;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐTP ngày 24/9/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về các biện pháp khẩn cấp tạm thời;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Bạch T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Phạm Văn S và bà Trương Thị Kim C.

Buộc ông Phạm Văn S và bà Trương Thị Kim C có trách nhiệm trả cho bà Ngô Thị Bạch T số tiền nợ gốc là 1.800.000.000 đồng và tiền nợ lãi là 181.668.148 đồng. Tổng cộng là 1.981.668.148 đồng (một tỷ chín trăm tám mươi một triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn một trăm bốn mươi tám đồng).

Kể từ ngày có đơn thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Bạch T về việc yêu cầu ông Phạm Văn S và bà Trương Thị Kim C trả tiền lãi là 7.957.452 đồng (bảy triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng).

3. Tiếp tục duy trì Quyết định số 17/2022/QĐ-BPKCTT ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Văn S và bà Trương Thị Kim C phải chịu là 71.450.044 đồng (bảy mươi một triệu bốn trăm năm mươi nghìn không trăm bốn mươi bốn đồng).

Bà Ngô Thị Bạch T phải chịu án phí là 397.873 đồng (ba trăm chín mươi bảy nghìn tám trăm bảy mươi ba đồng). Khấu trừ 35.844.375 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001017 ngày 23 tháng 9 năm 2022 tại Cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An. Hoàn trả cho bà Ngô Thị Bạch T tiền tạm ứng còn lại là 35.446.502 đồng (ba mươi lăm triệu bốn trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm lẻ hai đồng).

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trương Thị Kim C, bà Trương Thị Kim C1, bà Trương Thị Kim L mỗi người phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai

thu số 0011422 ngày 07 tháng 12 năm 2022 và biên lai thu số 0011418 ngày 06 tháng 12 năm 2022 và biên lai thu số 0011415 ngày 05 tháng 12 năm 2022 của C cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An. (Bà Trương Thị Kim C, bà Trương Thị Kim C1, bà Trương Thị Kim L đã nộp đủ tiền án phí phúc thẩm).

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Cần Giuộc;
- C cục THADS huyện Cần Giuộc;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Bích Tuyền